

UBND XÃ ĐƯỜNG HOA
TRƯỜNG MẦM NON ĐƯỜNG HOA

ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-MNĐH ngày 20/08/2025 của trường Mầm non Đường Hoa)

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn		
MT CS1	- Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i>
MT CS2	- Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (bữa chính, 1 bữa phụ)	- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> - <i>Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.</i>

		- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
MT CS 3	- Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với địa phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
MT CS 4	- Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (1,6-2l)	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
Tổ chức ngủ		
MT CS 5	- Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
Vệ sinh		
MT CS 6	- Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Trẻ biết tự vệ sinh cá nhân trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, vệ sinh cá nhân sạch sẽ mọi lúc mọi nơi
MT CS 7	- Môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi, được vệ sinh đảm bảo; Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải	- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
MT CS 8	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: * Cân nặng: + Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg + Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg * Chiều cao + Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm + Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm	- Tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi của lớp mẫu giáo 3 tuổi A2. - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/năm) + Lần 1: Ngày 15/09/2025 + Lần 2: Ngày 16/03/2026 - Cân, đo trẻ theo định kỳ (cân 3 tháng/lần, đo 3 tháng/lần) + Lần 1: Ngày 15/09/2025

		+ Lần 2: Ngày 15/12/2025 + Lần 2: Ngày 16/03/2026 - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì: Xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1 lần/tháng đối với trẻ SDD, béo phì
MT CS 9	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và theo dõi tiêm chủng; Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:	- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thủy đậu, đau mắt, cúm A, cúm B... Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 1	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn: hô hấp, tay, lưng, bụng và chân.	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.

	MT 2	- Trẻ kiểm soát được cơ thể khi thực hiện được các vận động đi.	+ Đi bằng gót bàn chân + Đi khuyu gối + Đi trong đường hẹp 2,5- 3m. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi kiềng gót + Đi bằng mũi bàn chân + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi thay đổi theo đường đích dắc
	MT 3	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động chạy.	- Chạy liên tục thẳng hướng 15 m
	MT 4	- Trẻ có thể chạy thay đổi tốc độ, chạy theo đường đích dắc.	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc
	MT 5	- Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 25 cm. - Bật nhảy vào các ô + Nhảy lò cò
	MT 6	- Trẻ có thể bước lên, xuống bục cao 30 cm.	- Bước lên, xuống bục cao 30 cm.
	MT 7	- Trẻ có thể phối hợp tay, mắt trong vận động: Đập, bắt bóng.	- Đập và bắt bóng với cô.
	MT 8	- Trẻ có thể phối hợp tay, mắt trong các vận động động tung, ném, bắt, chuyền.	+ Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích bằng 2 tay + Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng ngang + Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng dọc.
	MT 9	- Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động tung, bắt bóng với người đối diện.	+ Tung bắt bóng với cô bằng 2 tay. + Tung bóng cho cô. + Lăn bắt bóng cùng cô

			+ Tập đập – bắt bóng với cô
	MT 10	- Trẻ biết bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. bò chui qua cổng, trườn về phía trước.	+ Bò theo hướng thẳng. + Bò theo đường đích dắc + Bò trong đường hẹp + Bò chui qua cổng. + Trườn theo hướng thẳng. + Trườn theo đường đích dắc + Trườn về phía trước
	MT 11	- Trẻ có khả năng vận động xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau.	- Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan các ngón tay vào nhau - Đan giấy, tết len (đơn giản).
	MT 12	- Trẻ biết cài, cởi cúc.	- Hướng dẫn trẻ cài cởi cúc. - Biết tự cài, cởi cúc áo, quần.
	MT 13	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu.	- Sử dụng bút tô, vẽ nguệch ngoạc; vẽ được hình tròn theo mẫu. - Biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: vẽ được hình tròn theo mẫu.
	MT 14	- Trẻ có thể cắt thẳng được một đoạn.	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo cắt được theo đường thẳng 10 cm.
	MT15	- Xếp chồng từ 8-10 khối không đổ.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau (8-10 khối). - Xếp chồng từ 8-10 khối không đổ.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE			
	MT 16	- Trẻ biết gọi đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Nhận biết gọi tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh; Thịt cá, rau quả, trứng sữa.
	MT 17	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, thịt rim đậu, canh rau, thịt kho. - Biết các chất dinh dưỡng có trong món ăn.
	MT 18	- Trẻ biết ăn nhiều để chóng lớn, khoẻ mạnh, thông minh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (tiêu

		chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)
MT 19	- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng.	- Biết cách rửa tay bằng xà phòng. - Có ý thức rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
MT 20	- Trẻ biết cách đánh răng, lau mặt.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Biết cách đánh răng, lau mặt. - Thực hiện đánh răng 2 lần/ngày: Trước khi đi ngủ và sau khi ngủ dậy.
MT 21	- Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Tháo tất, cởi quần áo, mặc quần áo. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh
MT 22	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Trẻ biết cách cầm bát, thìa, cốc đúng cách. - Trẻ sử dụng thành thạo bát, thìa, cốc.
MT 23	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: + Ăn chín, uống sôi. + Nhai kỹ, không nói chuyện cười đùa trong khi ăn uống, biết nhặt cơm rơi.
MT 24	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Uống nước đã đun sôi, ăn ngủ đúng giờ giấc, nhận biết mặc quần áo phù hợp với thời tiết, đi tất khi trời lạnh, khi đi nắng đi mưa biết đội mũ, đi dép, dầy khi đi học. - Dạy trẻ hiểu về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT 25	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi bị nhắc nhở.	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi bị nhắc nhở. - Dạy trẻ không chơi những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Phích nước nóng, bếp đang đun, bàn là, dao, kéo...

	MT 26	- Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và biết phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc; biết không tự ý uống thuốc khi chưa được sự đồng ý của người lớn; biết không được ăn những loại thức ăn ôi thiu, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc. - Giáo dục trẻ không leo trèo lên bàn ghế, lan can, cây cối, quăng ném đồ chơi, sờ vào ổ điện.
	MT 27	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Dạy trẻ không đến những nơi không an toàn: giếng nước, hồ vôi, nương máng, sông suối, con vật nguy hiểm.
	MT 28	- Trẻ biết không đi theo người lạ	- Không tự ý theo người lạ ra khỏi trường, lớp khi chưa được phép của cô giáo. - Không tự ý nói chuyện, mở cửa cho người lạ vào nhà. - Không nhận quà và ăn thức ăn của người lạ cho, phải hỏi và được sự đồng ý của người thân mới được nhận quà.
	MT 29	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và cần gọi người lớn giúp đỡ.	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như khi bị đau, chảy máu, bị sốt... - Dạy trẻ biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như khi bị đau, chảy máu, bị sốt.....
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ	<i>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM</i>		
	MT 30	- Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Dạy trẻ biết tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ biết giới thiệu về bản thân mình.
	MT 31	- Trẻ có thể nói được những điều bé thích, không thích.	- Trẻ nói được những điều bé thích, không thích.
	MT 32	- Trẻ biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi

NĂNG XÃ HỘI	MT 33	- Trẻ có thể cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	- Trẻ chơi có thể cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi) - Trẻ tự giác, nhanh nhẹn thực hiện công việc được giao.
	MT 34	- Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói.	- Dạy trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
	MT 35	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Trẻ biết biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
	MT 36	- Trẻ nhận biết được hình ảnh Bác Hồ.	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Trẻ tỏ lòng kính yêu Bác Hồ.
	MT 37	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ - Yêu thích các bài hát, bài thơ, câu chuyện về bác Hồ.
	MT 38	- Trẻ có thể nhận biết một số cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Biết một số cảnh đẹp, di tích văn hóa của địa phương, quê hương, đất nước. - Quan tâm đến Cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn, ...) của quê hương, đất nước.
	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 39	- Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình (cất xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ)	- Dạy trẻ một số quy định ở lớp và gia đình: Vâng lời ông bà bố mẹ, cô giáo; muốn đi chơi phải xin phép; để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ.
	MT 40	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Cử chỉ, lời nói lễ phép, chào hỏi, cảm ơn - Yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột
	MT 41	Trẻ chú ý khi nghe cô, bạn nói	- Trẻ chú ý nghe cô và các bạn nói. - Nhận biết hành vi “đúng”, “sai” – “tốt, xấu”
	MT 42	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Trẻ chơi các trò chơi, biết chơi hòa thuận với bạn, tham gia vào các hoạt động nhóm. - Chờ đến lượt. Chơi hòa thuận với bạn

	MT 43	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, con vật nuôi gần gũi.	- Có ý thức chăm sóc cây cối. - Có ý thức bảo vệ, chăm sóc con vật
	MT 44	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Dạy trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường: - Dạy trẻ biết tiết kiệm điện, nước (tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng; lấy nước vừa đủ dùng, khóa vòi nước sau khi rửa tay).
	MT 45	Trẻ nhận biết và có một số kỹ năng đơn giản phòng tránh một số dấu hiệu nguy hiểm liên quan đến bản thân	+ Nhận biết các dấu hiệu nguy hiểm, tập các kỹ năng cách phòng tránh: - Nghịch các vật sắc nhọn - Nước nóng - Điện - Tai nạn thương tích - Bạo lực học đường
	MT 46	<i>- Trẻ nhận biết một số vật dụng dễ cháy, nổ và có thể nhận biết cách phòng tránh</i>	<i>- Trẻ nhận biết một số vật dụng dễ cháy và có thể nhận biết cách phòng tránh</i> <i>- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy (Chuông báo cháy, xe chữa cháy)</i> <i>- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.</i>
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE		
	MT 47	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Trẻ hiểu và làm theo các yêu cầu đơn giản (Ví dụ: Cháu hãy cầm túi cát và ném vào đích. Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ).
	MT 48	- Trẻ nghe, hiểu từ khái quát, gần gũi (quần áo, đồ chơi, hoa, quả...)	- Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	MT 49	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
	MT 50	- Trẻ nghe, hiểu được một số nội dung truyện kể, truyện đọc; cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

<i>PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI</i>		
MT 51	- Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng.	- Dạy trẻ phát âm các tiếng của tiếng Việt - Có khả năng nói rõ các tiếng
MT 52	- Trẻ biết sử dụng những từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trẻ biết sử dụng những từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai?”; “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”.
MT 53	- Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép.
MT 54	- Trẻ có khả năng kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại được sự việc đơn giản. - Biết kể lại truyện theo trình tự
MT 55	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè. - Đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...
MT 56	- Trẻ có khả năng kể lại truyện đơn giản đã được nghe hoặc có sự giúp đỡ của cô giáo, người lớn.	- Kể lại truyện một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT 57	- Trẻ có khả năng bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Có khả năng bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện - Trẻ có thể đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT 58	- Trẻ biết sử dụng các từ “Vâng ạ, dạ, thưa...” trong giao tiếp.	- Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép (VD: Vâng ạ, dạ, thưa, cảm ơn). - Cô dạy trẻ cách ứng xử trong giao tiếp.
MT 59	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
<i>LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC VÀ VIẾT</i>		

	MT 60	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Biết chọn sách để xem. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	MT 61	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật	- Biết nhìn vào tranh minh họa các câu chuyện, bài thơ. - Biết gọi tên các nhân vật trong tranh minh họa.
	MT 62	- Trẻ có khả năng biết cách cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh.	- Hướng dẫn trẻ cầm sách đúng chiều và mở sách, xem tranh và các truyện - Có khả năng cầm sách đúng chiều và mở sách, xem tranh và các truyện.
	MT 63	- Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Dạy trẻ làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, ký hiệu cấm lửa, cấm hút thuốc, ...)
	MT 64	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Cho trẻ vẽ, “viết” nguệch ngoạc trên cát, trên giấy. - Dạy trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT 65	- Trẻ được tiếp xúc với chữ, sách, truyện	- Trẻ tập làm quen, tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Trẻ có khả năng làm quen với sách thông qua nhiều hình thức khác nhau.
	MT 66	- Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ sách.	- Để sách đúng nơi quy định. - Giữ gìn sách không ném, vẽ bậy, xé, làm nhàu, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm lên sách.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	<i>KHÁM PHÁ KHOA HỌC</i>		
	MT 67	- Trẻ có khả năng nhận biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận cơ thể.	- Dạy trẻ nhận biết một số chức năng của các giác quan và một số bộ phận cơ thể.. - Biết giữ gìn vệ sinh một số bộ phận cơ thể sạch sẽ.
	MT 68	- Trẻ thích tìm hiểu đồ vật, đồ dùng quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng sinh hoạt, ăn uống, giải trí.

			- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng vệ sinh, đồ chơi quen thuộc ở lớp, ở nhà.
	MT 69	- Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Dạy trẻ nhận biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: Xe đạp, xe máy, ô tô, tàu, thuyền, ca nô, máy bay, khinh khí cầu, tàu hỏa....
	MT 70	- Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Tìm hiểu đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
	MT 71	- Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống.	- Dạy trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
	MT 72	- Trẻ có thể nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày, vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Trẻ nhận biết một số tính chất của nước - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi
	MT 73	- Trẻ nhận biết được sự thay đổi rõ nét của một số hiện tượng thời tiết theo mùa.	- Dạy trẻ nhận biết một số hiện tượng thời tiết: Nắng, mưa, gió, nóng, lạnh. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đến sinh hoạt của con người.
	MT 74	- Trẻ có thể nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	- Dạy trẻ nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Biết vai trò của một số nguồn ánh sáng đối với đời sống con người.
	MT 75	- Trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Dạy trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Biết so sánh sự giống và khác nhau giữa ngày và đêm (Ngày có mặt trời, bầu trời sáng, đêm có trăng, sao bầu trời tối)

	MT 76	- Trẻ được làm quen với máy tính và có thể thực hiện một số thao tác đơn giản (đi, nhấp chuột, gõ bàn phím).	- Làm quen với cách bật, mở máy tính, sử dụng chuột. - Gọi, công dụng một số bộ phận của máy tính.
	MT 77	- Trẻ biết sử dụng bàn cảm ứng tương tác, tỉ vi thông minh, rô bốt thông minh.	- Dạy trẻ phát âm được chữ cái, chơi trò chơi chữ cái với máy tính, bàn cảm ứng thông minh; - Dạy trẻ nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5; - Dạy trẻ nhận biết, gọi tên các hình (Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác) trên máy tính. - Dạy trẻ nhận biết sự vật hiện tượng qua hình ảnh, video, trò chơi trên máy tính.
	KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
	MT 78	- Trẻ có thể nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của bản thân.
	MT 79	- Trẻ có thể nói được họ và tên, tuổi của bố mẹ, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	MT 80	- Trẻ có thể nói được tên trường, lớp, cô giáo, các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Trẻ biết tên các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT 81	- Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh	- Dạy trẻ biết tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến (Nghề nông nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng, giáo viên, bác sĩ, công an, dịch vụ...)
	MT 82	- Trẻ có thể kể tên một số ngày lễ hội, danh lam, thắng cảnh ở địa phương, quê hương đất nước.	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày tết thiếu nhi 1/6, qua trò chuyện, tranh ảnh. - Dạy trẻ biết cờ tổ quốc, tên của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh ở địa phương.

	MT 83	- Trẻ biết được một số quy định giao thông đơn giản	- Trẻ biết: + Một số luật giao thông: đội mũ khi tham gia giao thông, đi bên phải đường, qua đường phải có người lớn dắt - Tìm hiểu một số biển báo đơn giản... - Tìm hiểu đèn tín hiệu giao thông.
	<i>LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN</i>		
	MT 84	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. Đếm các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Đếm đến 1, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 1. + Đếm đến 2, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 2. + Đếm đến 3, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 3. + Đếm đến 4, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 4. + Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 5.
	MT 85	- Trẻ có khả năng so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Dạy trẻ so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 1. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5.

			5.
	MT 86	- Trẻ có khả năng gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Dạy trẻ gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 2 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 3 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 4 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 5
	MT 87	- Trẻ có khả năng tách và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Dạy trẻ tách hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 2 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 3 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 4 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 5
	MT 88	- Trẻ nhận biết một và nhiều.	- Dạy trẻ nhận biết một và nhiều.
	MT 89	- Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Trẻ có khả năng xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	MT 90	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Dạy trẻ biết nhận ra quy tắc xếp đơn giản và xếp xen kẽ các đối tượng.
	MT 91	- Trẻ nhận biết gọi tên, chỉ ra điểm giống nhau, khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Dạy trẻ nhận biết, gọi tên: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật - Sử dụng các hình học để lắp ghép
	MT 92	- Trẻ nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng.	- Dạy trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; - So sánh kích thước dài hơn/ngắn hơn của 2 đối tượng. - So sánh kích thước cao hơn/thấp hơn, bằng nhau.
	MT 93	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Dạy trẻ nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	ÂM NHẠC		
	MT 94	- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc khi nghe: vui sướng, vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của	- Giúp trẻ bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc

	các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	sống và các tác phẩm nghệ thuật
MT 95	- Trẻ thích nghe các bài hát, bản nhạc: nhạc thiếu nhi, dân ca.	- Nghe các bài hát, bản nhạc: nhạc thiếu nhi, dân ca. - Nghe và thể hiện cảm xúc, hành động của bản thân theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.
MT 96	- Trẻ hát được tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. + Dạy trẻ hát, giúp trẻ cảm thụ và thể hiện qua giọng hát, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ.
MT 97	- Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún, nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	- Trẻ chú ý nghe bài hát, thích được hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT 98	- Trẻ biết hát kết hợp với dụng cụ âm nhạc và vận động đơn giản.	- Biết hát kết hợp với dụng cụ âm nhạc và vận động đơn giản - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp; vỗ tay theo phách, nhịp; vận động minh họa, nhún nhảy, dậm chân.
MT 99	<i>- Trẻ có khả năng vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo các hình thức mới và theo khả năng sáng tạo của trẻ.</i>	<i>- Trẻ có khả năng vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo các hình thức mới và theo khả năng sáng tạo của trẻ.</i>
TẠO HÌNH		
MT 100	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, lời nói của bản thân trước vẻ đẹp của tác phẩm tạo hình. - Muốn được sờ và cảm nhận, thể hiểu biết của mình trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.
MT 101	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Dạy trẻ sử dụng những kỹ năng: nắn, véo, đập, chia nhỏ đất, gộp đất lại, lăn dọc, lăn tròn, xoay tròn, ấn bẹt, uốn cong để tạo ra những sản phẩm theo yêu cầu và ý thích.
MT 102	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Dạy trẻ sử dụng những kỹ năng vẽ nét thẳng, nét xoay tròn, nét ngang, nét xiên. - Trẻ phối hợp các đường nét khác nhau, vẽ nấp đi nấp lại

			các hoạ tiết giống nhau để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu hoặc ý thích.
	MT 103	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo ra sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xé dải, xé vụn, xé và dán để tạo ra những sản phẩm theo yêu cầu và ý thích.
	MT 104	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng: hướng dẫn trẻ xếp những sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
	MT 105	- Trẻ biết các nguyên vật liệu tạo hình, sử dụng màu sắc, nét bút, hình dáng tạo ra các sản phẩm đơn giản có sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng màu sắc, nét bút, hình dáng tạo ra các sản phẩm đơn giản có sự gợi ý.
	MT 106	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
	MT 107	- Trẻ có thể nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Giúp trẻ nhận xét về sản phẩm tạo hình cần hướng trẻ nhận xét về hình dáng, màu sắc, đường nét, giáo dục trẻ biết giữ gìn sản phẩm.
	MT 108	- Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường của bé	3	Từ ngày 08/09 - 26/09/2025
2	Bản thân	- Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	4	Từ ngày 29/09 - 24/10/2025
3	Gia đình thân yêu của bé	- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	4	Từ ngày 27/10 - 21/11/2025
4	Nghề nghiệp	- Ngày thành lập QĐNDVN	4	Từ ngày 24/11 - 19/12/2025
5	Thế giới động vật		4	Từ ngày 22/12 - 16/01/2026
6	Thế giới thực vật	- Ngày Tết Nguyên đán	4	Từ ngày 19/01 - 13/02/2026
<i>Nghỉ tết từ 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026</i>				
7	Phương tiện và các quy định giao thông	- Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3	4	Từ ngày 02/03 - 27/03/2026
8	Nước - Hiện tượng thiên nhiên		4	Từ ngày 30/03 - 24/04/2026
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế Lao động 01/5, ngày sinh nhật Bác 19/5	4	Từ ngày 27/04 - 22/05/2026

Đường Hoa, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân Anh